

Số: 477 /KH-UBND

Huế, ngày 19 tháng 12 năm 2025

KẾ HOẠCH
Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật
trên địa bàn thành phố Huế năm 2026

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15; Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của ngày 01 tháng 7 năm 2025 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân thành phố Huế ban hành Kế hoạch kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Huế năm 2026, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Việc kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật nhằm phát hiện và xử lý các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành không đúng thẩm quyền; nội dung, hình thức; trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản, về căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày; sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước trong văn bản có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

b) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xác định trách nhiệm của cơ quan, người đã ban hành văn bản trái pháp luật, góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm tính toàn diện, kịp thời, khách quan, công khai, minh bạch; đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

b) Các cơ quan, đơn vị có liên quan đảm bảo phối hợp chặt chẽ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

c) Không được lợi dụng việc kiểm tra, xử lý văn bản vì mục đích vụ lợi, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và can thiệp vào quá trình xử lý văn bản trái pháp luật.

d) Cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra, xử lý văn bản phải chịu trách nhiệm về kết luận kiểm tra và quyết định xử lý văn bản.

II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM TRA, XỬ LÝ

1. Văn bản thuộc đối tượng kiểm tra

a) Văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

b) Văn bản có dấu hiệu chứa quy phạm pháp luật còn hiệu lực nhưng không được ban hành đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, bao gồm: Văn bản của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; văn bản của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; văn bản của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường.

c) Văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 61 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15.

2. Văn bản thuộc đối tượng xử lý

a) Văn bản trái pháp luật, bao gồm:

- Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành không đúng thẩm quyền.
- Văn bản quy phạm pháp luật có nội dung trái với Hiến pháp, trái với văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn.

- Văn bản quy phạm pháp luật quy định thời điểm có hiệu lực trái với quy định tại Điều 53 và Điều 55 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và khoản 21 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15.

- Văn bản quy phạm pháp luật không tuân thủ quy định của pháp luật về xác định bí mật nhà nước hoặc độ mật của bí mật nhà nước trong văn bản có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

- Văn bản quy phạm pháp luật vi phạm trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản theo quy định của pháp luật thuộc một trong các trường hợp sau đây: Không tổ chức lấy ý kiến hồ sơ dự thảo văn bản; không thực hiện thẩm định, thẩm tra dự thảo văn bản; văn bản ban hành theo trình tự thủ tục rút gọn hoặc trong trường hợp đặc biệt nhưng không có sự đồng ý hoặc chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền; dự thảo văn bản được thông qua không đúng quy định của pháp luật.

- Văn bản quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật vi phạm Điều 61 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Văn bản có sai sót về căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày.

III. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Kiểm tra về thẩm quyền ban hành văn bản.
2. Kiểm tra về nội dung, hình thức của văn bản.
3. Kiểm tra về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản.
4. Kiểm tra về căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày.
5. Kiểm tra về sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước trong văn bản có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

IV. PHƯƠNG THỨC KIỂM TRA

1. Tự kiểm tra văn bản

a) Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố giúp Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện việc tự kiểm tra văn bản của Hội đồng nhân dân thành phố. Cơ quan, đơn vị được giao giúp Hội đồng nhân dân xã, phường thực hiện việc tự kiểm tra văn bản của Hội đồng nhân dân xã, phường.

b) Cơ quan, đơn vị hoặc công chức được Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường phân công tự kiểm tra văn bản thực hiện tự kiểm tra văn bản của Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành.

2. Kiểm tra văn bản theo thẩm quyền

a) Ủy ban nhân dân thành phố kiểm tra văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường.

b) Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện việc kiểm tra văn bản quy định tại điểm a khoản này.

Năm 2026, thực hiện kiểm tra tại địa bàn các phường: Thuận Hóa, Phú Xuân, Hương Thủy, Hương Trà, Phong Điền và các xã: Chân Mây - Lăng Cô, Quảng Điền, Phú Vang, A Lưới 2, Khe Tre.

V. KINH PHÍ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Cơ quan Tài chính bố trí kinh phí đảm bảo cho việc triển khai, thực hiện công tác kiểm tra, xử lý văn bản theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

b) Đôn đốc, tổng hợp, theo dõi công tác kiểm tra, xử lý văn bản trên địa bàn thành phố.

c) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện việc kiểm tra văn bản theo thẩm quyền.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch tự kiểm tra, xử lý văn bản.

b) Thực hiện chế độ báo cáo về công tác tự kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật.

c) Xử lý kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

d) Cung cấp văn bản, thông tin, tài liệu cần thiết cho cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản, cơ quan kiểm tra văn bản khi có yêu cầu.

đ) Xử lý văn bản khi nhận được kết luận kiểm tra của cơ quan, người có thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị hoặc công chức được phân công nhiệm vụ giúp HĐND, UBND tự kiểm tra văn bản

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch tự kiểm tra, xử lý văn bản.

b) Thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo phân công của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

c) Tiếp nhận và tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch nếu có vấn đề phát sinh hoặc có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Tư pháp để kịp thời trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Cục Kiểm tra và QLXLVPHC- Bộ Tư pháp;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- HĐND, UBND xã, phường;
- Tổ chức pháp chế các sở, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố;
- Công Thông tin điện tử thành phố;
- CVP, các PCVP và CV: TH;
- Lưu: VT, CCHC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Hữu Thuỳ Giang